

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm điểm ngay khi mở cửa. Đà giảm chững lại khi chỉ số chạm ngưỡng quanh 1,815. Sau đó, lực bán gia tăng từ nửa cuối phiên chiều khiến VN-Index lùi xuống đóng cửa tại mốc 1,795.21 điểm, giảm hơn 34 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hóa chất giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính... Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm và Dầu khí giữ được sắc xanh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên hai sàn HNX và UPCOM. VN-Index giảm một mạch xuống dưới ngưỡng 1,800 với thanh khoản tăng mạnh. Áp lực chốt lời sau nhịp hồi phục dốc vài tuần trước có thể tiếp diễn trong ngắn hạn và đưa chỉ số trở về quanh 1,765, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm cùng chiều với nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 11/09/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-34.02** điểm, đóng cửa tại **1795.21** điểm. HNX-Index **-5.69** điểm, đóng cửa tại **272.68** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BSR (+0.49)**, **SSB (+0.22)**, **BVH (+0.16)**, **AST (+0.05)**, **STG (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-7.12)**, **VHM (-1.88)**, **VCB (-1.40)**, **GVR (-1.36)**, **TCB (-1.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,320** tỷ đồng, tăng **36.30%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,032 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 27.23 điểm. Thị trường có **51** mã tăng, 40 mã tham chiếu, **284** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-870.91** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-229.41 tỷ)**, **MBB (-140.40 tỷ)**, **VPB (-134.30 tỷ)**, **VHM (-93.85 tỷ)**, **VNM (-71.21 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **15.04** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-2.07%**. Các mã diễn biến tích cực:
BSR (+1.66%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.78%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVT (+1.61%) [\(Link báo cáo\)](#)
BVH (+1.59%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTR (+0.54%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-2.07%	-1.78%	-1.86%	-2.03%
1 tuần	-2.59%	-3.16%	-3.12%	-2.43%
1 tháng	1.16%	-1.62%	3.82%	3.19%
3 tháng	-4.54%	-10.29%	-1.61%	-1.37%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,795.21	272.68	126.55
% 1D	-1.86%	-2.04%	-0.25%
GTKL (tỷ VND)	15,320	894	361
%1D	36.30%	77.63%	18.52%
GDNN (tỷ VND)	-870.91	15.04	6.15

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BSR	109.73	STB	-229.41
VIC	64.34	MBB	-140.40
DGW	42.66	VPB	-134.30
PVT	39.75	VHM	-93.85
PNJ	39.16	VNM	-71.21

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

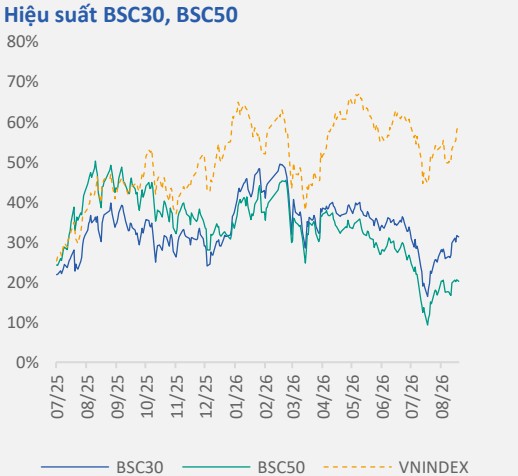
Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	7,592	-0.58%	-0.98%
FTSE100	8,155	0.47%	-1.50%
Eurostoxx	25,468	0.26%	-2.23%
Shanghai	3,888	-1.18%	-1.07%
Nikkei	64,011	-1.93%	-1.55%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	104.59	-2.82%
Giá vàng	4,351	0.76%
Tỷ giá		
USD/VND	25,918	-0.02%
EUR/VND	30,077	-0.12%
JPY/VND	168	0.21%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.5%	0.01%
LS LNH 1M	5.9%	0.18%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BSR	27.55	1.66%	0.49	17.24
SSB	18.30	1.67%	0.22	2.48
BVH	64.00	1.59%	0.16	0.77
AST	67.90	6.93%	0.05	0.04
STG	34.40	7.00%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	73.20	8.44%	0.19	0.00
SJ1	17.50	9.38%	0.04	0.00
VNT	35.40	9.94%	0.04	0.02
HTC	33.00	10.00%	0.03	0.01
HHC	79.00	3.54%	0.03	0.000

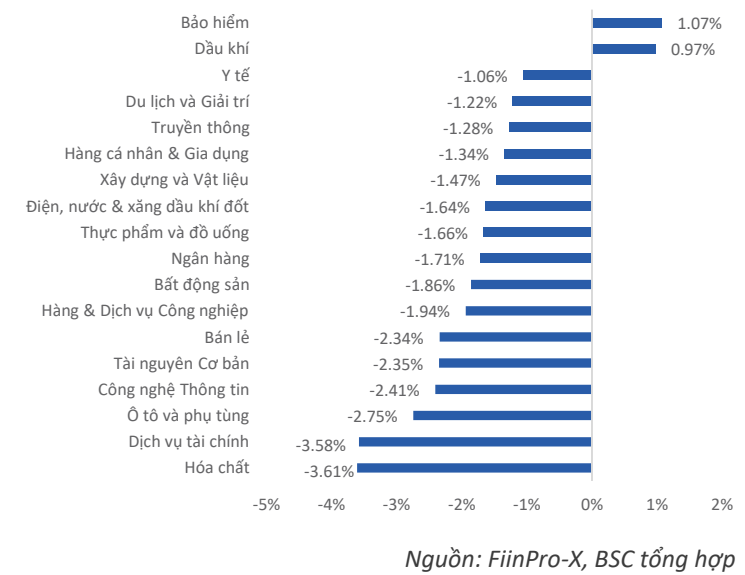
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
STG	34.40	7.00%	0.00
CCI	17.65	6.97%	0.00
SVD	4.62	6.94%	0.02
AST	67.90	6.93%	0.04
TNC	27.85	6.91%	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
HTC	33.00	10.00%	0.01
VNT	35.40	9.94%	0.02
GDW	33.20	9.93%	0.00
HAT	31.00	9.93%	0.00
HEV	8.00	9.59%	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	243.30	-1.78%	-7.12	4.28
VHM	72.00	-1.50%	-1.88	7.79
VCB	58.20	-1.36%	-1.40	4.423
GVR	30.00	-5.36%	-1.36	3.83
TCB	31.60	-2.47%	-1.17	15.25

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	128.00	-3.40%	-1.01	0.01
KSF	80.00	-1.60%	-0.70	0.13
KSV	105.20	-2.59%	-0.49	0.02
MBS	16.50	-3.51%	-0.35	5.97
NVB	11.70	-1.68%	-0.35	0.23

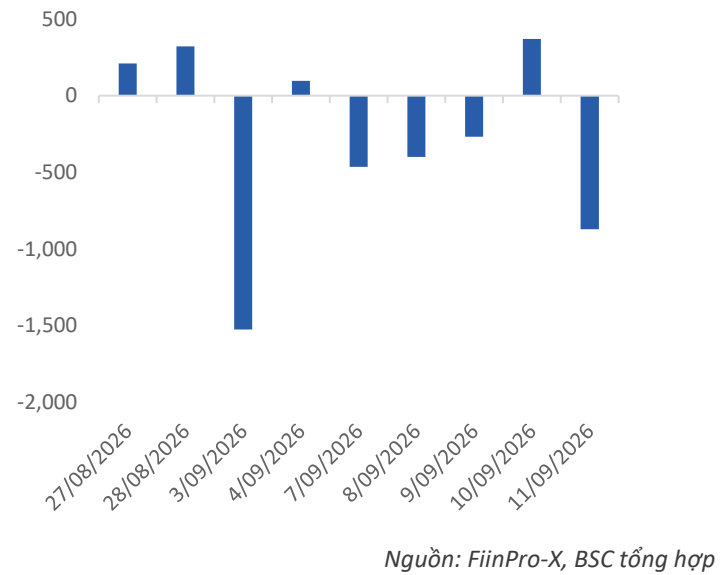
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
SZC	18.00	-7.45%	0.35
SGT	8.84	-6.95%	0.06
CCC	6.57	-6.94%	0.00
HSL	9.40	-6.93%	0.62
PMG	6.05	-6.92%	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
SHN	6.40	-9.86%	0.12
MKV	11.90	-9.85%	0.00
BPC	12.10	-9.70%	0.00
DC2	5.60	-9.68%	0.00
HMH	15.60	-9.30%	0.41

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	71.3	-2.2%	1.1	105,222	362.0	6,663	10.7	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.5	-1.9%	0.9	24,957	25.6	1,218	21.8	42.4	6.9%	Link
KDH	Bất động sản	16.3	-4.1%	0.9	18,292	107.6	1,567	10.4	39.9	23.9%	Link
PDR	Bất động sản	11.8	-2.1%	1.1	11,724	76.4	619	19.0	28.2	6.8%	Link
VHM	Bất động sản	72.0	-1.5%	1.7	591,467	563.3	9,730	7.4	132.6	6.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	72.7	-2.4%	0.7	124,632	532.5	5,862	12.4	124.4	28.1%	Link
BSR	Dầu khí	27.6	1.7%	0.0	137,951	479.3	3,974	6.9	-	1.1%	Link
PVS	Dầu khí	38.4	-0.8%	0.9	19,639	216.0	4,118	9.3	52.3	15.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.5	-3.0%	0.9	34,424	151.6	1,282	19.9		34.7%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.3	-3.3%	1.0	60,926	505.4	1,752	11.6		30.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	20.1	-5.9%	0.8	23,102	383.2	1,335	15.0		17.0%	Link
DCM	Hóa chất	32.5	0.0%	0.8	17,206	148.1	4,939	6.6	53.3	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	46.8	-0.5%	1.0	17,755	54.5	5,603	8.3	96.7	3.7%	Link
ACB	Ngân hàng	22.1	-1.6%	0.7	127,988	191.9	2,701	8.2	27.1	23.7%	Link
CTG	Ngân hàng	30.0	-2.0%	0.9	232,620	334.9	5,172	5.8	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	26.8	-2.4%	0.9	134,141	361.3	3,828	7.0	32.7	21.7%	Link
MBB	Ngân hàng	19.8	-1.7%	1.0	198,858	514.6	3,222	6.1	32.4	22.1%	Link
MSB	Ngân hàng	13.0	0.0%	0.9	48,485	44.8	1,573	8.2	14.0	7.2%	Link
STB	Ngân hàng	77.3	-0.9%	0.7	145,727	647.7	1,634	47.3		10.8%	Link
TCB	Ngân hàng	31.6	-2.5%	1.1	223,925	485.7	3,829	8.3	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	14.2	-2.1%	1.0	39,253	91.8	2,732	5.2	-	22.0%	Link
VCB	Ngân hàng	58.2	-1.4%	0.8	486,300	258.9	4,984	11.7	-	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	13.3	-3.3%	0.7	49,388	114.8	1,991	6.7	23.0	3.4%	Link
VPB	Ngân hàng	27.0	-2.0%	1.0	213,819	753.8	3,758	7.2	36.5	22.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.3	-2.5%	0.8	179,835	508.3	2,750	7.8	32.2	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.2	-2.9%	0.8	8,234	28.5	813	12.6	14.3	3.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.0	-3.0%	0.8	6,897	49.3	2,679	6.0	28.8	1.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	66.5	-3.2%	0.9	97,115	310.8	4,632	14.4	100.4	24.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	59.9	-2.8%	0.5	125,188	244.4	5,246	11.4	78.0	49.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.4	-0.78%	0.9	9,917	171.9	3,784	11.7	25.2%	23.8%	Link
FRT	Bán lẻ	137.0	-2.14%	0.9	24,498	51.0	6,359	21.5	33.3%	27.5%	Link
BVH	Bảo hiểm	64.0	1.59%	0.9	47,509	50.0	4,472	14.3	27.2%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.1	-1.95%	1.0	8,484	51.3	987	10.2	2.5%	8.1%	Link
DXG	Bất động sản	10.8	-4.44%	0.9	13,632	164.8	157	68.6	16.1%	1.4%	Link
HDC	Bất động sản	11.4	-0.87%	1.0	2,607	21.3	2,389	4.8	1.1%	23.0%	Link
IDC	Bất động sản	30.0	-2.60%	0.9	12,523	38.3	5,201	5.8	14.6%	32.7%	Link
NLG	Bất động sản	24.7	-0.40%	0.9	11,982	200.2	1,407	17.6	37.2%	5.2%	Link
SIP	Bất động sản	48.5	-1.02%	0.8	11,742	3.2	5,867	8.3	2.3%	27.7%	Link
SZC	Bất động sản	18.0	-2.44%	0.8	3,240	6.4	887	20.3	1.2%	5.0%	Link
TCH	Bất động sản	11.7	-3.31%	1.1	11,739	115.5	312	37.5	10.1%	2.6%	Link
VIC	Bất động sản	243.3	-1.78%	1.8	1,888,540	1050.5	2,753	88.4	3.2%	13.9%	Link
VRE	Bất động sản	25.6	-3.21%	1.5	58,171	97.7	3,191	8.0	11.2%	15.0%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	23.4	-1.68%	0.8	5,438	2.1	1,692	13.8	36.4%	12.3%	Link
PLX	Dầu khí	35.2	-0.85%	0.8	44,725	170.1	2,528	13.9	14.1%	12.5%	Link
PVD	Dầu khí	18.6	0.27%	0.6	17,210	196.3	1,199	15.5	8.3%	6.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	20.6	-3.97%	1.1	7,833	29.2	1,105	18.6	24.6%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.5	-3.51%	1.1	16,515	99.8	1,828	9.0	0.3%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	82.9	-2.01%	0.8	200,034	123.3	5,269	15.7	2.1%	18.9%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.0	-1.24%	0.9	6,491	17.4	2,298	6.9	15.9%	13.8%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.6	-1.95%	0.9	38,655	100.8	2,049	6.2	3.8%	16.2%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.0	-1.21%	0.5	28,022	18.0	4,238	10.6	48.9%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	124.7	-0.40%	0.7	95,906	134.0	2,830	44.1	6.1%	8.6%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.0	-4.39%	1.2	31,338	223.0	1,049	22.8	6.3%	7.5%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	74.6	-0.80%	0.8	32,294	81.1	6,028	12.4	39.1%	19.3%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.0	-2.34%	0.6	8,825	32.4	6,641	6.9	7.2%	27.1%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.1	1.61%	0.7	11,424	221.0	2,761	8.0	14.8%	16.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.5	-2.56%	0.6	9,993	42.8	2,199	22.5	3.7%	18.3%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	37.3	-2.36%	0.9	19,087	445.4	4,780	7.8	45.0%	18.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.6	-1.19%	0.8	1,953	12.7	1,872	8.9	48.0%	9.1%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.1	-2.42%	0.8	2,073	5.2	3,465	4.7	21.5%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	22.4	-0.88%	0.6	15,230	97.5	2,608	8.6	3.4%	15.6%	Link
GVR	Hóa chất	30.0	-5.36%	1.1	120,000	118.5	1,751	17.1	0.6%	12.0%	Link
EIB	Ngân hàng	16.8	-0.30%	1.0	31,294	122.8	264	63.6	1.1%	1.9%	Link
LPB	Ngân hàng	46.7	-3.01%	0.6	139,506	105.8	3,780	12.4	1.5%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	11.2	-0.44%	0.5	24,179	16.5	2,257	5.0	1.0%	19.5%	Link
OCB	Ngân hàng	10.2	0.00%	0.7	31,238	23.2	1,454	7.0	19.2%	13.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	10.2	-4.23%	0.9	5,022	26.3	338	30.2	4.8%	2.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.7	-3.40%	1.1	4,167	10.0	3,248	4.8	2.5%	23.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.1	-0.47%	0.6	11,693	41.3	256	125.0	4.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.9	-2.23%	0.6	56,240	37.1	3,723	11.8	58.8%	22.3%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.2	-2.71%	0.7	10,515	21.7	6,485	7.7	18.0%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.3	-1.20%	0.4	11,485	6.1	15,674	9.0	82.3%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	58.0	-1.69%	0.8	6,486	17.4	7,046	8.2	46.7%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	74.0	0.54%	0.8	9,480	13.9	5,110	14.5	5.7%	30.2%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	27.1	-2.35%	0.9	3,208	7.2	3,530	7.7	18.4%	14.9%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.5	-2.85%	0.8	5,481	38.2	1,164	8.2	10.3%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.4	-0.24%	0.5	8,390	34.2	2,809	7.3	8.2%	17.9%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.1	-2.59%	0.7	10,508	54.9	5,869	2.6	2.0%	35.6%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.0	-1.20%	0.9	18,382	16.4	3,174	12.9	0.9%	16.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Click
2	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Click
3	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
4	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
5	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
7	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
8	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
9	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
10	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
11	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
12	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
13	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
14	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
15	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
16	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
17	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
18	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
19	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
20	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
21	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
22	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
23	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
24	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - *Quyền phụ trách*
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>